

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 04/2012/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 15 tháng 02 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về phạm vi, sử dụng, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đấu nối đường nhánh vào hệ thống đường địa phương, bảo đảm giao thông và an toàn giao thông khi thi công công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác, thẩm định và thẩm tra an toàn giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 28/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06/09/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường;

Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải tại Văn bản số 1715/SGTVT-GT ngày 29/9/2011 và Văn bản số 75/SGTVT-GT ngày 16/01/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về phạm vi, sử dụng, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đầu nối đường nhánh vào hệ thống đường địa phương, bảo đảm giao thông và an toàn giao thông khi thi công công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác, thẩm định và thẩm tra an toàn giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này thay thế Chỉ thị số 12/2006/CT-UBND ngày 08/6/2006 của UBND tỉnh về việc quản lý, bảo vệ công trình giao thông và hành lang an toàn đường bộ.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Lê Hữu Lộc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về phạm vi, sử dụng, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đấu nối đường nhánh vào hệ thống đường địa phương, bảo đảm giao thông và an toàn giao thông khi thi công công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác, thẩm định và thẩm tra an toàn giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 15/02/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này điều chỉnh phạm vi sử dụng, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đấu nối đường nhánh vào hệ thống đường địa phương, bảo đảm giao thông và an toàn giao thông khi thi công công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác, thẩm định và thẩm tra an toàn giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài liên quan đến quản lý, bảo vệ và khai thác, sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, bảo đảm giao thông và an toàn giao thông khi thi công công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, thẩm định và thẩm tra an toàn giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh Bình Định phải áp dụng Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

CHƯƠNG II

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Đất dành cho đường bộ

Phạm vi đất dành cho đường bộ gồm đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ.

1. Đất của đường bộ bao gồm phần đất trên đó công trình đường bộ được xây dựng và phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ (dưới đây gọi tắt phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ là phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ), gồm:

Công trình đường bộ gồm: Đường bộ (*nền đường, mặt đường, lề đường, hè phố*), cầu đường bộ (*cầu vượt sông, cầu vượt khe núi, cầu vượt trong đô thị, cầu vượt đường bộ, cầu vượt đường sắt, cầu vượt biển, kể cả cầu dành cho người đi bộ*), hầm đường bộ (*hầm qua núi, hầm ngầm qua sông, hầm chui qua đường bộ, hầm chui qua đường sắt, hầm chui qua đô thị, kể cả hầm dành cho người đi bộ*), bến phà, cầu phao đường bộ, đường ngầm, đường tràn; nơi dừng, đỗ xe trên đường bộ, trạm điều khiển giao thông, trạm kiểm tra tải trọng xe, trạm thu phí cầu, đường; hệ thống báo hiệu gồm đèn tín hiệu, biển báo hiệu, giá treo biển báo hiệu hoặc đèn tín hiệu, khung, giá hạn chế tĩnh không, cọc tiêu, cột cây số, vạch kẻ đường và các thiết bị khác; đảo giao thông, dải phân cách, rào chắn, tường hộ lan; các mốc đo đạc, mốc lộ giới, cột mốc giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường bộ; hệ thống chiếu sáng đường bộ; hệ thống thoát nước, hầm kỹ thuật, kè đường bộ; công trình chống va trôi, công trình chỉnh trị dòng nước, chống sạt lở đường bộ; đường cứu nạn, nơi cất giữ phương tiện vượt sông, nhà hạt, nơi cất giữ vật tư, thiết bị dự phòng bảo đảm giao thông; các công trình phụ trợ bảo đảm môi trường, bảo đảm an toàn giao thông.

Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ dùng để giữ vật tư sử dụng cho bảo trì, để di chuyển hoặc đặt các thiết bị thực hiện việc bảo trì, để chất bẩn từ mặt đường ra hai bên đường, chống xâm hại công trình đường bộ và có bề rộng theo cấp đường, được xác định từ mép ngoài cùng của nền đường bộ (chân mái đường đắp hoặc mép ngoài của rãnh dọc tại các vị trí không đào không đắp hoặc mép đỉnh mái đường đào) ra mỗi bên như sau: 02 mét đối với đường cấp III; 01 mét đối với đường từ cấp IV trở xuống.

2. Đất hành lang an toàn đường bộ

Hành lang an toàn đường bộ là phần đất dọc hai bên đất của đường bộ nhằm bảo đảm an toàn giao thông và bảo vệ công trình đường bộ. Giới hạn hành lang an toàn đường bộ được quy định như sau:

a. Đối với đường ngoài đô thị: căn cứ cấp kỹ thuật của đường theo quy hoạch, phạm vi hành lang an toàn của đường có bề rộng tính từ đất của đường bộ trở ra hai bên là:

- 13 mét đối với đường cấp III;

- 09 mét đối với đường cấp IV, cấp V;
- 04 mét đối với đường có cấp thấp hơn cấp V.

b. Đối với đường đô thị: bề rộng hành lang an toàn được tính từ mép đường đến chỉ giới xây dựng của đường theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Giới hạn hành lang an toàn đối với cầu, cống

1. Hành lang an toàn đối với cầu trên đường ngoài đô thị

a. Theo chiều dọc cầu tính từ đuôi móng cầu ra mỗi bên:

- 50 mét đối với cầu có chiều dài từ 60 mét trở lên;
- 30 mét đối với cầu có chiều dài dưới 60 mét.

b. Theo chiều ngang cầu tính từ mép ngoài cùng đất của đường bộ trở ra mỗi phía:

- 150 mét đối với cầu có chiều dài lớn hơn 300 mét;
- 100 mét đối với cầu có chiều dài từ 60 mét đến 300 mét;
- 50 mét đối với cầu có chiều dài từ 20 mét đến dưới 60 mét;
- 20 mét đối với cầu có chiều dài nhỏ hơn 20 mét.

2. Hành lang an toàn đối với cầu trên đường trong đô thị

a. Theo chiều dọc cầu được xác định như đối với cầu trên đường ngoài đô thị;

b. Theo chiều ngang cầu, đối với phần cầu chạy trên cạn kể cả phần cầu chạy trên phần đất không ngập nước thường xuyên được tính từ mép ngoài đất của đường bộ ra mỗi bên 07 mét; đối với phần cầu còn lại, quy định như điểm b khoản 1 Điều này;

c. Tại các nút giao thông đô thị, các cầu vượt, hầm chui và cầu dành cho người đi bộ qua đường theo thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Hành lang an toàn đối với cống tương ứng với hành lang an toàn đường bộ nơi đặt cống.

Điều 5. Phạm vi bảo vệ trên không của công trình đường bộ

1. Công trình đã có trước ngày Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT có hiệu lực (được cấp có thẩm quyền cho phép xây dựng), nếu phạm vi bảo vệ trên không của công trình đường bộ chưa đáp ứng quy định tại Điều 21 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, đồng thời không gây nguy hiểm, không gây mất an toàn giao thông, tạm thời được giữ nguyên hiện trạng.

2. Công trình được xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng; công trình đang khai thác sử dụng chưa đáp ứng quy định tại Điều 21 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP có gây nguy hiểm, gây mất an toàn giao thông phải bảo đảm đủ phạm vi bảo vệ trên không của công trình đường bộ (theo phương thẳng đứng) như sau:

a. Đối với cầu vượt trên đường bộ, khoảng cách tối thiểu tính từ điểm cao nhất của mặt đường bộ đến điểm thấp nhất của kết cấu nhịp cầu theo phương thẳng đứng (không kể phần dự phòng cho tôn cao mặt đường khi sửa chữa, nâng cấp, mở rộng) là 4,75m (bốn mét bảy lăm);

Đối với cầu vượt đường cao tốc phải thực hiện theo quy định của tiêu chuẩn thiết kế đường cao tốc;

b. Đối với đường dây thông tin đi phía trên đường bộ phải bảo đảm khoảng cách theo phương thẳng đứng từ điểm cao nhất của mặt đường (không kể phần dự phòng cho tôn cao mặt đường khi sửa chữa, nâng cấp, cải tạo) tới điểm thấp nhất của đường dây thông tin ở trạng thái võng cực đại tối thiểu là 5,50m (năm mét năm mươi);

c. Đối với đường dây tải điện đi phía trên đường bộ phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu theo phương thẳng đứng từ điểm thấp nhất của đường dây tải điện ở trạng thái võng cực đại đến điểm cao nhất của mặt đường (không kể phần dự phòng cho tôn cao mặt đường khi sửa chữa, nâng cấp, cải tạo) tối thiểu là 4,75m (bốn mét bảy lăm) cộng với khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp do pháp luật về điện lực quy định.

Chủ công trình lưới điện chịu trách nhiệm lắp đặt và quản lý biển báo hiệu, biển hạn chế chiều cao ở những vị trí giao nhau giữa đường dây tải điện trên cao với đường bộ đi dưới theo quy định của Điều lệ báo hiệu đường bộ và hướng dẫn của đơn vị trực tiếp quản lý đoạn tuyến đường bộ.

3. Xác định chiều cao dự phòng khi tôn cao mặt đường

a. Đối với công trình vượt trên đường bộ, căn cứ hiện trạng và quy hoạch của tuyến đường bộ có công trình đi vượt trên để xác định chiều cao dự phòng cho tôn cao mặt đường bộ.

b. Đối với công trình đường bộ đi dưới cầu vượt hoặc các công trình thiết yếu, căn cứ thiết kế công trình đường bộ và quy hoạch của tuyến đường bộ để xác định chiều cao dự phòng cho tôn cao mặt đường bộ.

Điều 6. Khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang đối với công trình thiết yếu

1. Công trình thiết yếu quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy định này được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền cho phép xây dựng nằm trong phạm vi đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ (bao gồm cả phần dưới mặt nước) phải ở chiều sâu hoặc khoảng cách theo chiều ngang không làm ảnh hưởng đến quản lý, bảo trì, khai thác và sự bền vững công trình đường bộ. Chiều sâu và khoảng cách theo chiều ngang do cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền quyết định cụ thể trong văn bản chấp thuận xây dựng công trình.

2. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang đối với cột của công trình thiết yếu (nằm trong hoặc ngoài hành lang an toàn đường bộ) phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu như sau:

a. Đối với cột có chiều cao (tính từ mặt đất tại chân cột đến đỉnh cột) lớn hơn 4,0m (bốn mét), khoảng cách tính từ chân mái đường đắp hoặc mép đỉnh mái đường đào đến chân cột tối thiểu bằng 1,3 lần chiều cao của cột.

b. Đối với cột có chiều cao (tính từ mặt đất tại chân cột đến đỉnh cột) nhỏ hơn hoặc bằng 4,0m (bốn mét), khoảng cách tính từ chân mái đường đắp hoặc mép đỉnh mái đường đào đến chân cột tối thiểu bằng 05 mét (năm mét).

c. Trường hợp đường bộ đi qua khu vực nội thành, nội thị, giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang bằng bề rộng của chỉ giới xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d. Trường hợp đường bộ đi qua khu vực miền núi có địa hình núi cao, vực sâu, giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang đối với cột của công trình thiết yếu được phép nhỏ hơn khoảng cách quy định tại điểm a, điểm b khoản này nhưng tối thiểu phải cách mép phần xe chạy 2,0m (hai mét). Giới hạn do cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền quyết định cụ thể trong văn bản chấp thuận xây dựng công trình.

Điều 7. Sử dụng, khai thác phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Việc khai thác, sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tuân thủ theo Điều 26, Điều 28 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP; Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT đối với hệ thống đường Quốc lộ, đối với đường tỉnh lộ được quy định như sau:

1. Hạn chế các điểm đầu nối trực tiếp vào tỉnh lộ. Các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư, khu thương mại - dịch vụ hoặc các dự án xây dựng khác dọc đường bộ

phải nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ và phải có đường gom nối từ dự án vào các đường nhánh; trường hợp không có đường nhánh, được đầu nối trực tiếp đường gom vào tỉnh lộ, nhưng phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào tỉnh lộ theo Quy định này.

2. Đường gom phải nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ; đường gom được xây dựng theo hướng sử dụng cho một hoặc nhiều dự án liền kề.

Trường hợp đặc biệt do điều kiện địa hình, địa vật khó khăn hoặc không đủ quỹ đất, có thể xem xét cho phép một phần đường gom nằm trong hành lang an toàn đường bộ.

3. Đường nhánh được đầu nối vào tỉnh lộ đang khai thác theo Quy định này.

Trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền xem xét, cho phép đường nhánh đầu nối tạm có thời hạn để vận chuyển vật tư, thiết bị và thi công kết cấu hạ tầng của dự án nằm ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ.

4. Đối với cửa hàng xăng dầu xây dựng dọc theo tỉnh lộ phải nằm trong quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; điểm đầu nối đường dẫn ra, vào cửa hàng xăng dầu phải nằm trong quy hoạch các điểm đầu nối được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

5. Các đường từ nhà ở chỉ được đầu nối vào tỉnh lộ thông qua đường nhánh; các đường đã có từ trước phải được xóa bỏ dần và thay thế bằng đường gom theo quy hoạch các điểm đầu nối đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

6. Việc quảng cáo trong hành lang an toàn đường bộ chỉ được thực hiện tạm thời khi điều kiện địa hình bên ngoài hành lang an toàn đường bộ không thực hiện được. Cấm mọi hình thức quảng cáo trong phạm vi đất của đường bộ.

7. Đối với các dự án thủy điện, thủy lợi:

a. Kinh phí xây dựng do chủ đầu tư dự án thủy điện, thủy lợi chịu trách nhiệm.

b. Chủ đầu tư dự án ngay từ bước lập dự án về hướng tuyến, quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật và các vấn đề khác có liên quan đối với tỉnh lộ phải có ý kiến thỏa thuận của Sở Giao thông Vận tải.

Điều 8. Công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Công trình thiết yếu bao gồm:

a. Công trình phục vụ quốc phòng, an ninh;

b. Công trình phục vụ quản lý, khai thác đường bộ;

c. Công trình viễn thông, điện lực, đường ống cấp, thoát nước, xăng, dầu, khí;

d. Công trình có yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật không thể bố trí ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; công trình phải bố trí trên cùng một mặt bằng với công trình đường bộ để bảo đảm tính đồng bộ và tiết kiệm.

2. Trường hợp không thể xây dựng bên ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, công trình thiết yếu có thể được cơ quan có thẩm quyền xem xét cho phép xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Công trình thiết yếu được chấp thuận xây dựng và cấp phép thi công theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải di chuyển kịp thời theo yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền; không được bồi thường, hỗ trợ di chuyển phần công trình đã được chấp thuận xây dựng, cấp phép thi công; Chủ đầu tư hoặc Chủ sử dụng công trình thiết yếu chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan đến việc xây dựng công trình thiết yếu.

Điều 9. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác

1. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, chủ đầu tư dự án công trình thiết yếu gửi hồ sơ đề nghị được chấp thuận việc xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét giải quyết và được quy định cụ thể như sau:

a. Sở Giao thông Vận tải chấp thuận xây dựng đối với công trình thiết yếu trên hệ thống đường tỉnh và dự án công trình thiết yếu sửa chữa, cải tạo, nâng cấp liên quan đến đường Quốc lộ 19 đoạn từ cảng Quy Nhơn đến cầu Gành.

b. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chấp thuận đối với công trình thiết yếu trên hệ thống đường đô thị, đường huyện, đường xã và các tuyến đường khác trên địa bàn thuộc địa giới hành chính do mình quản lý, trừ quy định tại điểm a khoản 1 điều này và đường quốc lộ.

2. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục theo quy định tại Điều 14 Quy định này.

3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu

a. Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (bản chính) theo mẫu tại Phụ lục 1 kèm theo Quy định này.

- Hồ sơ thiết kế, trong đó có bình đồ, trắc dọc, trắc ngang vị trí đoạn tuyến có xây dựng công trình (bản chính). Nếu hồ sơ thiết kế là hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, đối với công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác, phải có Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế (bản sao có xác nhận của chủ công trình).

- Cam kết di chuyển hoặc cải tạo công trình đúng tiến độ theo yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền; không được yêu cầu bồi thường và phải chịu hoàn toàn kinh phí liên quan.

b. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết trong 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu có giá trị trong thời gian 18 tháng kể từ ngày ban hành; nếu quá 18 tháng, phải gia hạn. Thủ tục gia hạn quy định như sau:

a. Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của chủ công trình (bản chính) theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Quy định này.

b. Thời gian giải quyết: trong 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

c. Thời gian gia hạn: chỉ gia hạn một (01) lần với thời gian không quá 12 tháng.

d. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục theo quy định tại Điều 14 Quy định này.

Điều 10. Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác

1. Sau khi có văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền, chủ đầu tư công trình thiết yếu phải:

a. Hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế theo văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

b. Tổ chức thẩm định hồ sơ thiết kế công trình theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng công trình.

c. Phê duyệt dự án xây dựng công trình theo quy định hiện hành.

d. Gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này đến cơ quan có thẩm quyền đề nghị cấp phép thi công công trình.

d. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thi công là cơ quan chấp thuận xây dựng được quy định tại mục a, b, c, khoản 1 Điều 9 Quy định này.

2. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục theo quy định tại Điều 14 Quy định này.

3. Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu

a. Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (bản chính) theo mẫu tại Phụ lục 4 kèm theo Quy định này;

- Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư);

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, trong đó có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

b. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ; riêng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công là 02 bộ.

4. Thời hạn giải quyết trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng thi công công trình thiết yếu có ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ. Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát thi công và nhà thầu thi công công trình thiết yếu phải có đủ năng lực hành nghề đối với công trình đường bộ.

6. Công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu hạng mục công trình đường bộ.

7. Chủ đầu tư công trình thiết yếu nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ và bổ sung, cập nhật công trình thiết yếu vào hồ sơ quản lý tuyến đường.

8. Chủ sử dụng, kinh doanh, khai thác công trình thiết yếu chịu trách nhiệm bảo trì công trình thiết yếu; việc bảo dưỡng thường xuyên công trình thiết yếu không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa định kỳ, nếu ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững công trình đường bộ phải đề nghị cấp phép thi công theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều này.

Điều 11. Chấp thuận và cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác

1. Việc lắp đặt biển quảng cáo trong hoặc ngoài hành lang an toàn đường bộ, tuân theo các quy định của pháp luật về quảng cáo và về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ

tầng giao thông đường bộ. Cá nhân, tổ chức được phép lắp đặt biển quảng cáo chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan do việc lắp đặt biển quảng cáo gây ra.

2. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo, tính từ mép đất của đường bộ đến điểm gần nhất của biển quảng cáo, tối thiểu bằng 1,3 (một phẩy ba) lần chiều cao của biển (điểm cao nhất của biển) và không được nhỏ hơn 05 (năm) mét.

3. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo lắp đặt ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ theo quy định tại khoản 2 Điều này. Nếu giới hạn này bị vi phạm, đơn vị quản lý đường bộ đề nghị cơ quan cấp phép xây dựng biển quảng cáo yêu cầu tổ chức, cá nhân dừng việc lắp đặt biển quảng cáo.

4. Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác được quy định như sau:

a. Sở Giao thông Vận tải chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo đối với hệ thống đường tỉnh; cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo đường Quốc lộ 19 đoạn từ cảng Quy Nhơn đến cầu Gành.

b. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo đối với hệ thống đường huyện, đường xã, đường đô thị và các tuyến đường khác trên địa bàn thuộc địa giới hành chính do mình quản lý, trừ quy định tại điểm a khoản 4 điều này.

5. Trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ, thời gian giải quyết thủ tục chấp thuận xây dựng hoặc cấp phép thi công thực hiện như đối với công trình thiết yếu.

Điều 12. Xây dựng công trình thiết yếu trên các tuyến hệ thống đường địa phương được xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo

1. Khi lập dự án xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo hoặc nắn chỉnh tuyến, xây dựng tuyến tránh, Chủ đầu tư dự án phải:

a. Gửi thông báo đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Giao thông Vận tải về thông tin cơ bản của dự án (như cấp kỹ thuật, quy mô, hướng tuyến, mặt cắt ngang, thời gian dự kiến khởi công và hoàn thành) để các tổ chức có nhu cầu xây dựng các công trình thiết yếu được biết về dự án xây dựng hệ thống đường địa phương;

b. Tổng hợp nhu cầu xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của dự án và báo cáo về cấp quyết định đầu tư để được xem xét các vấn đề có liên quan. Đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, bền

vững công trình của dự án đường bộ do ảnh hưởng của việc xây dựng công trình thiết yếu;

c. Căn cứ ý kiến của cấp quyết định đầu tư, chủ đầu tư dự án đường bộ thông báo cho tổ chức có công trình thiết yếu biết việc xây dựng hợp kỹ thuật hoặc việc thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình của dự án đường bộ khi xây dựng công trình thiết yếu.

2. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xây dựng công trình thiết yếu có liên quan đến dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo hệ thống đường địa phương phải:

a. Gửi văn bản đề nghị (kèm theo yêu cầu thiết kế kỹ thuật của hạng mục công trình thiết yếu sẽ xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ) đến chủ đầu tư dự án xây dựng hệ thống đường địa phương;

b. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình đường bộ khi xây dựng công trình thiết yếu và đồng bộ với quá trình thi công dự án đường bộ.

3. Khi có nhu cầu thi công, lắp đặt công trình thiết yếu trong hợp kỹ thuật của công trình đường bộ đã được xây dựng, chủ đầu tư dự án có công trình thiết yếu thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy định này để được cấp giấy phép thi công và chi trả kinh phí thuê hợp kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

4. Mọi chi phí phát sinh để thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình đường bộ khi xây dựng công trình thiết yếu gây ra do Chủ đầu tư công trình thiết yếu chi trả.

Điều 13. Xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với hệ thống đường địa phương đang khai thác

1. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ (trừ các dự án do cơ quan chủ quản là cấp quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư), Chủ đầu tư dự án gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận đến cơ quan quản lý đường bộ để được xem xét giải quyết.

2. Chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công công trình đường bộ trên hệ thống đường địa phương đang khai thác phải đề nghị cơ quan quản lý đường bộ cấp giấy phép thi công bảo đảm an toàn giao thông, cụ thể như sau:

a. Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quy định này;

b. Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (bản chính) theo mẫu tại Phụ lục 4 kèm theo Quy định này;

- Văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận thiết kế của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có xác nhận của Chủ công trình);

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

c. Thời hạn giải quyết trong 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3. Đối với các dự án nâng cấp, cải tạo đường bộ đối với hệ thống đường địa phương đang khai thác do các cơ quan quản lý đường bộ là chủ đầu tư, không phải đề nghị cấp giấy phép thi công; nhưng trước khi thi công, Ban Quản lý dự án hoặc nhà thầu thi công phải gửi đến cơ quan quản lý đường bộ gồm: Quyết định duyệt dự án, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt kể cả phương án thi công, biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông đến cơ quan quản lý đường bộ xem xét, thỏa thuận bằng văn bản về thời gian thi công, biện pháp tổ chức bảo đảm an toàn giao thông khi thi công.

4. Tổ chức, cá nhân quản lý, bảo trì đường bộ làm công tác bảo dưỡng thường xuyên không phải đề nghị cấp giấy phép thi công nhưng phải nghiêm chỉnh thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Điều 14. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính

1. Cách thức thực hiện: tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại văn phòng cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

2. Trình tự thực hiện như sau:

a. Tổ chức, đơn vị nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền;

b. Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đúng quy định, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; nếu đúng quy định, viết giấy hẹn lấy kết quả.

c. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục tiến hành thẩm định hồ sơ; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, có văn bản hướng dẫn hoàn thiện (đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua hệ thống bưu chính); nếu đủ điều kiện, có văn bản chấp thuận

hoặc cấp giấy phép thi công. Trường hợp không chấp thuận hoặc không cấp phép, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 15. Đầu nối đường nhánh vào tỉnh lộ

1. Đường nhánh đầu nối vào tỉnh lộ bao gồm:

a. Đường huyện, đường xã, đường đô thị;

b. Đường dẫn ra, vào cửa hàng xăng dầu;

c. Đường chuyên dùng: đường lâm nghiệp, đường khai thác mỏ, đường phục vụ thi công, đường khu công nghiệp, đường nối trực tiếp từ công trình đơn lẻ;

d. Đường gom, đường nối từ đường gom.

2. Đường nhánh đầu nối vào tỉnh lộ phải thông qua điểm đầu nối thuộc quy hoạch điểm đầu nối vào tỉnh lộ đi qua địa phận thành phố, thị xã, huyện, thị trấn, xã (sau đây gọi tắt là Quy hoạch các điểm đầu nối) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Đầu nối đường nhánh vào tỉnh lộ trong phạm vi đô thị thực hiện theo quy hoạch đô thị đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Cao độ đường ra, vào và mặt bằng xây dựng cửa hàng xăng dầu hoặc các công trình khác phải đảm bảo thoát nước trong khu vực hoặc thấp hơn cao độ mặt đường.

3. Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào tỉnh lộ:

a. Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào tỉnh lộ của đường huyện, đường xã, đường đô thị, đường chuyên dùng và đường gom được quy định như sau:

- Trong khu vực nội thành, nội thị các đô thị (theo quy định của Chính phủ về phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị): Khoảng cách giữa các điểm đầu nối xác định theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền về quy hoạch đô thị phê duyệt, nhưng không nhỏ hơn 500m (năm trăm mét).

- Ngoài khu vực nội thành, nội thị các đô thị:

+ Đối với tuyến đường xây dựng mới khoảng cách giữa các điểm đầu nối liền kề được xác định theo cấp quy hoạch của đoạn tuyến tỉnh lộ; cụ thể là: đối với đường cấp III không nhỏ hơn 2000m (hai nghìn mét), đối với đường cấp IV trở xuống không nhỏ hơn 1500m (một nghìn năm trăm mét), các cấp đường khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

+ Đối với đường hiện hữu, đường cải tạo nâng cấp là đường cấp III không nhỏ hơn 1500m (một nghìn năm trăm mét), đường cấp IV trở xuống không nhỏ hơn 1000m (một nghìn mét), các cấp đường khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

+ Trường hợp khu vực có địa hình mà hành lang an toàn đường bộ bị chia cắt như núi cao, vực sâu, sông, suối và các chướng ngại vật khác không thể di dời được, khoảng cách giữa hai điểm đầu nối phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận nhưng không nhỏ hơn 500 m (năm trăm mét);

b. Khoảng cách tối thiểu giữa hai cửa hàng xăng dầu liền kề (tính từ điểm giữa của cửa hàng) đầu nối đường dẫn ra, vào với tỉnh lộ, vừa phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối được quy định tại điểm a khoản này, đồng thời vừa phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu giữa hai cửa hàng xăng dầu như sau:

- Trong khu vực nội thành, nội thị thuộc các đô thị (theo quy định của Chính phủ về phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị): Khoảng cách giữa hai cửa hàng xăng dầu liền kề dọc theo mỗi bên đường không nhỏ hơn 1500m (một nghìn năm trăm mét),

- Ngoài khu vực nội thành, nội thị thuộc các đô thị: Khoảng cách giữa hai cửa hàng xăng dầu liền kề dọc theo mỗi bên của đoạn tỉnh lộ không nhỏ hơn 10000m (mười nghìn mét).

c. Đối với cửa hàng xăng dầu được quy hoạch ở lân cận hoặc trùng với điểm đầu nối của đường nhánh khác, phải điều chỉnh để tại vị trí đó chỉ tồn tại một điểm đầu nối theo hướng ưu tiên điểm đầu nối của công trình có trước hoặc sử dụng chung.

4. Thiết kế nút giao của đường nhánh đầu nối vào tỉnh lộ phải phù hợp với Tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành về yêu cầu thiết kế đường ô tô.

5. Đầu nối đường nhánh vào tỉnh lộ đang khai thác

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển giao thông vận tải của địa phương để lập quy hoạch các điểm đầu nối theo quy định của pháp luật.

6. Đầu nối đường nhánh vào huyện lộ

Thực hiện như quy định đường nhánh đầu nối vào tỉnh lộ tại Điều 15 Quy định này đối với đường huyện đạt tiêu chuẩn đường cấp V đồng bằng (TCVN 4054-05) trở lên, các cấp đường còn lại do Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định.

7. Các vấn đề liên quan đến đầu nối

a. Quy hoạch các điểm đầu nối bổ sung vào quốc lộ, tỉnh lộ chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch, trình tự thủ tục hồ sơ thực hiện theo Điều 20, Điều 21 Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông Vận tải.

b. Khoảng cách đầu nối đường nhánh vào tỉnh lộ thực hiện theo Điều 15 Quy định này. Tuy nhiên, trường hợp có nhu cầu đặc biệt, bức thiết các điểm đầu nối cần phải điều chỉnh, bổ sung để phát triển kinh tế - xã hội nhưng không đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối so với Quy định này thì Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan liên quan có văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét đối với từng trường hợp cụ thể trên cơ sở thỏa thuận của Sở Giao thông Vận tải.

Điều 16. Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào hệ thống đường địa phương.

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thi công là cơ quan chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào hệ thống đường địa phương được quy định tại mục a, b, c, khoản 1 điều 9 Quy định này.

2. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục theo quy định tại Điều 14 Quy định này.

3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao.

a. Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao; trong đó, cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo nút giao và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo (bản chính), theo mẫu tại Phụ lục 3 kèm theo Quy định này;

- Quy hoạch các điểm đầu nối vào tỉnh lộ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt (bản sao có chứng thực); hoặc văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép đầu nối đường nhánh vào tỉnh lộ đối với các trường hợp tỉnh lộ chưa có Quy hoạch các điểm đầu nối vào tỉnh lộ được phê duyệt (bản sao chụp);

- Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh (bản sao) giao tổ chức, cá nhân làm Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao.

- Thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).

b. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết trong 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối với các dự án đường bộ xây dựng mới có đầu nối vào tỉnh lộ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Sở Giao thông Vận tải phê duyệt thiết kế kỹ thuật, không phải thực hiện bước đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông.

6. Văn bản chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao có giá trị trong thời gian 12 tháng kể từ ngày ban hành, nếu quá 12 tháng, làm đơn đề nghị gia hạn. Thủ tục gia hạn như quy định đối với việc gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu tại khoản 5 Điều 9 của Quy định này.

Điều 17. Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào tỉnh lộ

1. Sau khi có văn bản chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của Sở Giao thông Vận tải, chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao phải thực hiện các thủ tục dưới đây để đảm bảo công trình nút giao được phê duyệt thiết kế và triển khai thi công:

a. Hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao, biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông theo ý kiến thỏa thuận của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền;

b. Thẩm định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định hồ sơ thiết kế công trình theo quy định;

c. Phê duyệt dự án, công trình nút giao theo quy định hiện hành.

d. Gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này đến Sở Giao thông vận tải đề nghị cấp phép thi công công trình.

2. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục theo quy định tại Điều 14 Quy định này.

3. Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công xây dựng nút giao đầu nối vào tỉnh lộ

a. Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (bản chính) theo mẫu tại Phụ lục 4 kèm theo Quy định này;

- Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế nút giao của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao chụp có xác nhận của Chủ đầu tư);

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

b. Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ.

4. Thời hạn giải quyết trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Nút giao phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu và chấp thuận đưa vào khai thác, sử dụng.

6. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình nút giao ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ; nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ và bổ sung, cập nhật nút giao vào hồ sơ quản lý tuyến đường.

7. Chủ sử dụng nút giao chịu trách nhiệm bảo trì nút giao; việc bảo dưỡng thường xuyên nút giao không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa định kỳ nút giao phải đề nghị cấp phép thi công theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Quy định này.

8. Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào huyện lộ

Thực hiện như Quy định cấp phép thi công nút giao đầu nối vào tỉnh lộ tại khoản 1 Điều 16, Điều 17 Quy định này.

Điều 18. Đầu nối tạm có thời hạn vào hệ thống đường địa phương đang khai thác

1. Đối với dự án, công trình xây dựng do điều kiện địa hình trong khu vực khó khăn, hoặc điều kiện kỹ thuật của thiết bị, cho phép mở điểm đầu nối tạm thời để làm đường công vụ vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển thiết bị máy móc; hết thời hạn đầu nối tạm sẽ hoàn trả hiện trạng ban đầu của hành lang an toàn đường bộ.

2. Thời hạn sử dụng điểm đầu nối tạm quy định tại khoản 1 Điều này bằng tiến độ thi công của dự án nhưng không quá 12 tháng, trường hợp đặc biệt có thể gia hạn một lần nhưng tổng thời gian mở điểm đầu nối tạm không quá 24 tháng. Sau thời hạn này, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm xóa bỏ điểm đầu nối tạm và hoàn trả hành lang an toàn đường bộ như ban đầu.

Trường hợp dự án, công trình có tiến độ thi công lớn hơn 24 tháng, phải làm đường gom nối từ dự án đến nút giao điểm đầu nối gần nhất có trong Quy hoạch các điểm đầu nối đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Trình tự thực hiện, hồ sơ và thời hạn chấp thuận xây dựng đầu nối tạm thời thực hiện như sau:

a. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu nối tạm thời gửi đến cơ quan có thẩm quyền 01 bộ hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị chấp thuận đấu nối tạm thời nêu rõ lý do, vị trí, lý trình điểm đấu nối, thời gian sử dụng điểm đấu nối tạm;

- Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cơ quan có thẩm quyền, các tài liệu liên quan khác (nếu có);

- Văn bản của các cơ quan quản lý đường bộ được giao quản lý tuyến đường về hiện trạng đoạn tuyến có điểm thỏa thuận đấu nối tạm thời, ảnh hưởng đến an toàn giao thông nếu mở điểm đấu nối tạm, đề xuất phương án xử lý;

- Bản vẽ bình đồ đoạn tuyến có điểm đấu nối tạm thời và phương án tổ chức giao thông của nút giao.

b. Cơ quan có thẩm quyền được quy định tại điểm a, b, c, khoản 1 Điều 9 Quy định này xem xét, chấp thuận đấu nối tạm thời trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, trường hợp không chấp thuận đấu nối tạm thời phải trả lời bằng văn bản.

4. Việc chấp thuận thiết kế, cấp giấy phép thi công điểm đấu nối tạm thời thực hiện theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Quy định này.

Điều 19. Giải quyết các tồn tại về sử dụng hành lang an toàn đường bộ

1. Đối với đường dân sinh đấu nối tự phát vào tỉnh lộ trước ngày Nghị định số 186/2004/NĐ-CP có hiệu lực và chỉ sử dụng cho xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ, có mặt cắt ngang nhỏ hơn hoặc bằng 2,5m (hai mét năm mươi), trong khi chưa xây dựng được đường gom, cho phép tồn tại và giữ nguyên hiện trạng đến hết năm 2015.

2. Đối với các cửa hàng xăng dầu đã đấu nối vào tỉnh lộ theo chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền, nếu không đủ khoảng cách tối thiểu giữa hai cửa hàng xăng dầu theo quy định này, được tiếp tục tồn tại nhưng địa phương phải hoàn thành việc điều chỉnh hoặc xóa bỏ theo quy hoạch trước ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các cửa hàng xăng dầu xây dựng tự phát, đấu nối trái phép vào tỉnh lộ hoặc nằm trong hành lang an toàn đường bộ, quy mô không bảo đảm, hiện đang tồn tại dọc hai bên tỉnh lộ, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Công trình nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ nhưng chưa ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ, được tạm thời tồn tại nhưng phải giữ nguyên hiện trạng không được coi nói, mở rộng; người sử dụng đất phải ký cam kết với Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị trực tiếp quản lý tuyến đường về việc không coi nói, mở rộng. Trường hợp

công trình bị xuống cấp, chưa được Nhà nước đền bù, giải tỏa và người sử dụng có nhu cầu để sử dụng, xem xét kiểm kê đất và tài sản trên đó để có cơ sở đền bù hoặc cấp phép thi công tạm thời.

4. Trường hợp sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ có ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ, cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền tiến hành xác định mức độ ảnh hưởng, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền thu hồi đất và giải quyết bồi thường, hỗ trợ đối với đất và tài sản gắn liền với đất đã có trước khi hành lang an toàn đường bộ được công bố.

5. Đối với trường hợp lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ, kiên quyết giải tỏa, không bồi thường cho các tổ chức, cá nhân vi phạm.

6. Cơ sở giải quyết việc đền bù, giải tỏa khi bắt buộc di dời các công trình tồn tại trong hành lang an toàn theo quy định của Luật Giao thông đường bộ, Luật Đất đai, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, phải căn cứ mốc thời gian xây dựng công trình nằm trong hành lang an toàn đường bộ.

Sở Giao thông Vận tải chỉ đạo Thanh tra Sở và đơn vị giao quản lý đường bộ trực tiếp phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ tài liệu điều tra, lưu trữ để lập bình đồ duỗi thẳng thể hiện vị trí, thời gian xây dựng, quy mô các công trình nằm trong đất hành lang an toàn giao thông quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP theo các mốc thời gian sau đây:

a. Công trình xây dựng trước ngày 21 tháng 12 năm 1982 là thời gian chưa có quy định cụ thể về hành lang an toàn đường bộ.

b. Công trình xây dựng từ ngày 21 tháng 12 năm 1982 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2000 là giai đoạn cấm xây dựng, coi nới và lấn chiếm trong hành lang bảo vệ đường bộ theo Nghị định số 203/HĐBT ngày 21 tháng 12 năm 1982 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

c. Công trình xây dựng từ ngày 01 tháng 01 năm 2000 đến trước ngày 30 tháng 11 năm 2004 là giai đoạn cấm xây dựng, coi nới và lấn chiếm trong hành lang bảo vệ đường bộ theo Nghị định số 172/1999/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh bảo vệ công trình giao thông đối với công trình giao thông đường bộ.

d. Công trình xây dựng từ ngày 30 tháng 11 năm 2004 đến trước ngày 15 tháng 4 năm 2010 là giai đoạn cấm xây dựng, coi nói và lấn chiếm trong hành lang an toàn theo Nghị định số 186/2004/NĐ-CP của Chính phủ.

đ. Công trình xây dựng từ ngày 15 tháng 04 năm 2010 là giai đoạn cấm xây dựng, coi nói và lấn chiếm trong hành lang an toàn theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 20. Đảm bảo giao thông và an toàn giao thông khi thi công trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác.

Thực hiện theo Điều 31 đến Điều 48 của Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông Vận tải.

Điều 21. Tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông đường bộ

1. Đối với công trình đường bộ xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo

a. Ủy ban nhân dân cấp quyết định dự án phải thẩm định an toàn giao thông. Chủ đầu tư quyết định lựa chọn giai đoạn của dự án phải thẩm định an toàn giao thông và tổ chức thực hiện (kể cả dự án thực hiện theo hình thức Hợp đồng BOT, BT, BTO).

b. Đối với đường chuyên dùng: cơ quan, tổ chức, cá nhân có đường chuyên dùng quyết định dự án phải thẩm định an toàn giao thông, quyết định lựa chọn giai đoạn của dự án phải thẩm định an toàn giao thông.

2. Đối với công trình đường bộ đang khai thác

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông đối với đường đô thị, đường tỉnh, đường huyện.

Điều 22. Các căn cứ làm cơ sở thẩm định an toàn giao thông

Thực hiện theo Điều 49 đến Điều 60 của Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 23. Trách nhiệm của đơn vị quản lý đường bộ

1. Đơn vị quản lý đường bộ (đối với đường đang khai thác) hoặc chủ đầu tư (đối với đường đang triển khai dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo) chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã xây dựng phương án cấm mốc giới hạn xác định hành lang an toàn đường bộ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã công bố công khai và tổ chức việc cấm

mốc lộ giới trên thực địa và bàn giao cho Ủy ban nhân dân xã quản lý, bảo vệ phạm vi hành lang an toàn đường bộ đã được cắm mốc lộ giới.

2. Đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời các hành vi lấn, chiếm và sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ. Ngay khi phát hiện vi phạm phải yêu cầu đình chỉ hành vi vi phạm và thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân xã hoặc Thanh tra đường bộ để phối hợp lập biên bản vi phạm hành chính và xử lý theo thẩm quyền.

3. Đơn vị quản lý đường bộ có trách nhiệm phối hợp với Thanh tra Đường bộ và các cơ quan chức năng của chính quyền địa phương thực hiện giải tỏa công trình lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ thuộc phạm vi đơn vị trực tiếp quản lý; đồng thời, định kỳ báo cáo cơ quan quản lý đường bộ cấp trên về công tác quản lý hành lang an toàn đường bộ.

4. Đơn vị quản lý đường bộ có trách nhiệm chính trong công tác quản lý, bảo vệ công trình đường bộ và đất của đường bộ. Thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời các hành vi xâm phạm công trình đường bộ, các hành vi lấn, chiếm và sử dụng trái phép đất của đường bộ. Ngay khi phát hiện đơn vị quản lý đường bộ phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành lập biên bản vi phạm, yêu cầu dừng ngay các hành vi vi phạm; nếu cần thiết, phải áp dụng các biện pháp tạm thời nhằm bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ. Trong vòng 24 giờ sau khi lập biên bản vi phạm, đơn vị quản lý đường bộ phải lập hồ sơ vi phạm gửi Thanh tra đường bộ và cơ quan bảo vệ pháp luật tại địa phương đề nghị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Trách nhiệm của cơ quan quản lý đường bộ và Ủy ban nhân dân các cấp

1. Sở Giao thông Vận tải, UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và biện pháp xử lý các vi phạm hành lang an toàn đường bộ chưa được xử lý, giải quyết triệt để; đồng thời, báo cáo kết quả và những khó khăn, vướng mắc về Ủy ban nhân dân tỉnh để tiếp tục có biện pháp giải quyết.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc giao đất;

b. Đầu tư xây dựng hệ thống đường gom (nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ) dọc 2 bên tỉnh lộ theo quy hoạch các điểm đầu nối đã phê duyệt; ngăn chặn và chấm dứt tình trạng người dân xây dựng nhà dọc quốc lộ, tỉnh lộ, mở đường từ nhà đầu nối trực tiếp vào quốc lộ, tỉnh lộ;

c. Giải tỏa các công trình ảnh hưởng đến phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông đường bộ và không ảnh hưởng đến an toàn công trình đường bộ và hoạt động giao thông vận tải;

d. Tổ chức thực hiện cưỡng chế để giải tỏa vi phạm, lập lại trật tự hành lang an toàn đường bộ; ngăn chặn và chấm dứt tình trạng tái lấn, chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ;

đ. Phối hợp với Thanh tra Sở Giao thông Vận tải, đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ, xử lý theo thẩm quyền các hành vi xâm phạm công trình đường bộ, các hành vi lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất dành cho đường bộ.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

a. Phát hiện và phối hợp với đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ, Thanh tra Sở Giao thông vận tải xử lý kịp thời, theo thẩm quyền các hành vi lấn, chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ;

b. Tiếp nhận bàn giao và quản lý, bảo vệ mốc lộ giới.

Điều 25. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và các cơ quan khác

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, phát hiện và thông báo kịp thời đến cơ quan quản lý đường bộ hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các hành vi vi phạm quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đặc biệt trong trường hợp không chấp hành yêu cầu của đơn vị quản lý đường bộ hoặc các cơ quan bảo vệ pháp luật khi tiến hành lập biên bản vi phạm và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

2. Thanh tra Sở Giao thông Vận tải

a. Chủ trì, phối hợp với đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ xử lý kịp thời các hành vi vi phạm quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quy định của pháp luật.

b. Chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ hoàn thiện hồ sơ vi phạm hành lang an toàn đường bộ gửi Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đề nghị cưỡng chế để giải tỏa;

c. Chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ hoàn thiện hồ sơ vi phạm công trình đường bộ, lấn, chiếm và sử dụng trái phép đất của đường bộ; xử lý theo thẩm

quyền. Trường hợp hành vi vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng, chuyển hồ sơ tới cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan bảo vệ pháp luật ở địa phương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền và phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ trong việc bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Các sở, ngành của tỉnh

1. Sở Giao thông Vận tải có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hệ thống đường bộ trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật, đồng thời phối hợp các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn nội dung của Quy định này. Tổ chức bồi dưỡng cán bộ quản lý, bảo vệ công trình đường bộ do địa phương quản lý; chỉ đạo Thanh tra Sở kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc thực hiện phạm vi, sử dụng, bảo vệ kết cấu hệ thống đường địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Công an tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn lực lượng trong ngành, phối hợp các cơ quan liên quan kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền.

3. Sở Xây dựng chỉ đạo, hướng dẫn quản lý xây dựng ngoài hành lang an toàn đường bộ; phối hợp với Sở Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong công tác lập và thực hiện quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đô thị.

4. Sở Công Thương chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc lập quy hoạch và xây dựng hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu dọc theo các tuyến đường địa phương và quốc lộ; phối hợp với Sở Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố để xác định vị trí điểm đầu nối từ các cửa hàng bán lẻ xăng dầu vào tỉnh lộ, huyện lộ khoảng cách đảm bảo đúng theo Quy định này; Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông Vận tải đối với tuyến quốc lộ.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Sở Giao thông vận tải hướng dẫn việc quy hoạch và sử dụng đất dành cho đường bộ; hướng dẫn cơ quan quản lý công trình đường bộ hoặc

chủ đầu tư thực hiện quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn về bảo vệ môi trường đối với các dự án giao thông.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch và xây dựng hệ thống công trình thủy lợi liên quan đến công trình đường bộ; hướng dẫn việc sử dụng đất trong hành lang an toàn đường bộ để canh tác nông nghiệp, bảo đảm kỹ thuật và an toàn công trình đường bộ.

7. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí, phân bổ về nguồn kinh phí giải tỏa hành lang an toàn giao thông và hệ thống đường gom (nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ) dọc 2 bên tỉnh lộ theo quy hoạch các điểm đầu nối đã phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 27. Xử lý vi phạm

Các cơ quan quản lý nhà nước về phạm vi, sử dụng bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương được phân cấp phải thực hiện nghiêm túc theo Quy định này, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Quy định này.

Điều 28. Điều khoản thi hành

1. Giao Giám đốc Sở Giao thông Vận tải hướng dẫn, triển khai, đôn đốc các cơ quan, sở, ngành có liên quan thực hiện theo đúng Quy định này trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan có trách nhiệm thực hiện phạm vi, sử dụng bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương theo đúng quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh về Sở Giao thông Vận tải để tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Lê Hữu Lộc

PHỤ LỤC 1**Mẫu Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu
trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ***(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2012/QĐ-CTUBND**Ngày 15 tháng 02 năm 2012 của UBND tỉnh)*

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng.....năm 201.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG
PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Chấp thuận xây dựng (...3...)

Kính gửi:(4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Quyết định số.. của UBND tỉnh Ban hành quy định phạm vi, sử dụng bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; đấu nối đường nhánh; bảo đảm an toàn giao thông khi thi công trên đường bộ đang khai thác; thẩm định an toàn giao thông đối với hệ thống đường địa phương;

- (Căn cứ Quyết định...5...)

(.....2.....) đề nghị được chấp thuận xây dựng công trình (...6...) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của (...7...).

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Hồ sơ thiết kế của (...6...);

- Bản sao (...8...) Báo cáo kết quả thẩm tra Hồ sơ thiết kế của (...6...) do (...9...) thực hiện.

- (...10...)

(...2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;

-

-

- Lưu VT.

(.....2.....)
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, tình lộ, địa phương; ví dụ “Chấp thuận xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc tình lộ ĐT640, địa phận huyện Tuy Phước”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình thiết yếu được quy định tại Điều 8 Quy định này.

(5A) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình thiết yếu được quy định tại Điều 8 Quy định này.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Ghi rõ, đầy đủ tên, nhóm dự án của công trình thiết yếu.

(7) Ghi rõ tên tình lộ, cấp kỹ thuật của đường hiện tại và theo quy hoạch, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải tình lộ, các vị trí cắt ngang qua tình lộ (nếu có).

(8) Bản sao có xác nhận của chủ công trình (nếu công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác).

(9) Tổ chức tư vấn (độc lập với tổ chức tư vấn lập Hồ sơ thiết kế) được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ.

(10) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết./.

PHỤ LỤC 2

**Mẫu Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu
trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2012/QĐ-CTUBND
ngày 15 tháng 02 năm 2012 của UBND tỉnh)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng.....năm 201.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG
PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Gia hạn xây dựng (...3...)

Kính gửi:(4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Quyết định số.. của UBND tỉnh Ban hành quy định phạm vi, sử dụng bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; đầu nối đường nhánh; bảo đảm an toàn giao thông khi thi công trên đường bộ đang khai thác; thẩm định an toàn giao thông đối với hệ thống đường địa phương;

- (...5...)

(....2....) đề nghị được gia hạn xây dựng công trình, nêu rõ lý do gia hạn.

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Bản sao chụp Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu;

- (...6...)

(...2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công

trình thiết yếu được gia hạn xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận gia hạn.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-
- Lưu VT.

(.....2.....)
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, tình lộ, địa phương; ví dụ “Gia hạn xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của ĐT640, địa phận huyện Tuy Phước”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình thiết yếu được quy định tại Điều 8 Quy định này.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết./.

PHỤ LỤC 3**Mẫu Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật nút giao, đường nhánh đầu nối vào tỉnh lộ (huyện lộ)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2012/QĐ-CTUBND
ngày 15 tháng 02 năm 2012 của UBND tỉnh)*

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng..... năm 201.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT NÚT GIAO
ĐƯỜNG NHÁNH ĐẦU NỐI VÀO TỈNH LỘ (HUYỆN LỘ)**

Chấp thuận xây dựng (...3...)

Kính gửi:(4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Quyết định số.. của UBND tỉnh Ban hành quy định phạm vi, sử dụng bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; đầu nối đường nhánh; bảo đảm an toàn giao thông khi thi công trên đường bộ đang khai thác; thẩm định an toàn giao thông đối với hệ thống đường địa phương;

- (...5...)

(.....2.....) đề nghị được chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối (...6...).

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ *Quy hoạch các điểm đầu nối vào tỉnh lộ đã được UBND tỉnh phê duyệt (bản sao có chứng thực); hoặc Văn bản chấp thuận của UBND tỉnh cho phép đầu nối đường nhánh vào tỉnh lộ (bản sao);*

+ *Văn bản của UBND cấp tỉnh (bản chính) giao tổ chức, cá nhân làm Chủ đầu tư nút giao nếu quy hoạch hoặc văn bản chấp thuận của UBND tỉnh chưa xác định rõ chủ đầu tư nút giao;*

+ *Hồ sơ Thiết kế và Phương án tổ chức giao thông của nút giao (có Biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do Tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).*

- *Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.*

(...2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu VT.

(.....2.....)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối (Do Chủ đầu tư đứng đơn).

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối tại Km..+.../Trái tuyến hoặc phải tuyến/ TL..”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình nút giao đầu nối đường nhánh theo quy định tại Điều 15 Quy định này.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Ghi rõ, đầy đủ tên tỉnh lộ, cấp kỹ thuật của đường, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải tỉnh lộ./.

PHỤ LỤC 4

Mẫu Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình
(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2012/QĐ-CTUBND
ngày 15 tháng 02 năm 2012 của UBND tỉnh)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng..... năm 201.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**Cấp phép thi công (...3...)**

Kính gửi:(…4…)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Quyết định số.. của UBND tỉnh Ban hành quy định phạm vi, sử dụng bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; đấu nối đường nhánh; bảo đảm an toàn giao thông khi thi công trên đường bộ đang khai thác; thẩm định an toàn giao thông đối với hệ thống đường địa phương;

- Căn cứ (...5..);

(.....2.....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...). Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ...tháng ... năm ... đến hết ngày ...tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính)..

+ (...9...)

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;

-

-

- Lưu VT.

(.....2.....)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của ĐT640, địa phận huyện Tuy Phước”.

(4) Tên cơ quan cấp phép thi công;

(5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

(6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.

(7) Ghi đầy đủ lý trình, tên tỉnh lộ, thuộc địa phận huyện nào.

(8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

(9) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết.

(10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

Ghi chú:

Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để ghi các nội dung và gửi kèm theo văn bản liên quan cho phù hợp./.

PHỤ LỤC 5**Mẫu Giấy phép thi công**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2012/QĐ-CTUBND
ngày 15 tháng 02 năm 2012 của UBND tỉnh)*

(UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Sở GTVT(UBND..)**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../..... - ...

....., ngày.. tháng ... năm 201..

GIẤY PHÉP THI CÔNG

Công trình:.....(1).....

Lý trình:.....tỉnh lộ....

- Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Quyết định số.. của UBND tỉnh Ban hành quy định phạm vi, sử dụng bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; đầu nối đường nhánh; bảo đảm an toàn giao thông khi thi công trên đường bộ đang khai thác; thẩm định an toàn giao thông đối với hệ thống đường địa phương;

- Căn cứ văn bản số:...../..... ngày...../...../200...của(2) chấp thuận thiết kế công trình...(1)....;

- Căn cứ Đơn đề nghị cấp phép thi công của....(3)... kèm theo cam kết tự di dời và không đòi bồi thường của chủ đầu tư (5) và hồ sơ thiết kế, tổ chức thi công được duyệt.

1. Cấp cho:(3).....

- Địa chỉ.....;

- Điện thoại

-

2. Được phép thi công công trình:...(1)... trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng công trình giao thông đường bộ từ lý trình Km..... đến Km..... tỉnh lộ (Quốc lộ)....,

theo hồ sơ thiết kế và tổ chức thi công được duyệt theo Quyết định số:...../..... ngày...../...../200.. của(4)...., gồm các nội dung chính như sau:

- a).....;
- b).....;
- c).....;

3. Các yêu cầu đối với đơn vị thi công công trình:

- Mang giấy này đến đơn vị quản lý đường bộ (trực tiếp quản lý tuyến đường) để nhận bàn giao mặt bằng hiện trường; tiến hành thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông theo hồ sơ tổ chức thi công được duyệt và các quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn giao thông khi thi công trên đất dành cho đường bộ;

- Sau khi nhận mặt bằng hiện trường, đơn vị thi công phải chịu trách nhiệm về an toàn giao thông, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của đơn vị quản lý đường bộ, Thanh tra giao thông đường bộ và cơ quan có thẩm quyền khác;

- Kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng, nếu đơn vị thi công không thực hiện việc tổ chức giao thông, gây mất an toàn giao thông sẽ bị đình chỉ thi công; mọi trách nhiệm liên quan đến tai nạn giao thông và chi phí thiệt hại khác (nếu có) đơn vị thi công tự chịu, ngoài ra còn chịu xử lý theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về đền bù thiệt hại công trình đường bộ do lỗi của đơn vị thi công gây ra khi thi công trên đường bộ đang khai thác;

- Khi kết thúc thi công phải bàn giao lại mặt bằng, hiện trường cho đơn vị quản lý đường bộ;

-(các nội dung khác nếu cần thiết).....

4. Thời hạn thi công:

Giấy phép thi công này có thời hạn từ ngày/...../201...đến ngày...../...../201....

Quá thời hạn quy định phải đề nghị cấp gia hạn./.

Nơi nhận:

-
- UBND tỉnh(thay b/c);
- Thanh tra ...(để p/h);
-
- Lưu VP...

(.....2.....)
 QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
 (ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong mẫu Giấy phép thi công :

- (1): Ghi tên dự án, công trình cấp giấy phép thi công.
- (2): Ghi tên cơ quan thẩm quyền chấp thuận thiết kế (Sở Giao thông Vận tải, UBND huyện, thành phố...).
- (3): Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thi công;
- (4): Chủ đầu tư hoặc cơ quan có thẩm quyền (trường hợp chủ đầu tư không đủ năng lực phê duyệt thiết kế).
- (5) Cam kết tự di dời và không đòi bồi thường của chủ đầu tư công trình thiết yếu, biển quảng cáo, nút giao đầu nối./.

Ghi chú: Trên đây là các nội dung chính của mẫu Giấy phép thi công. Sở Giao thông Vận tải, UBND huyện, thành phố căn cứ từng công trình cụ thể để quy định nội dung giấy phép thi công cho phù hợp./.
